TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - V	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2025

Về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – V.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 – V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2025/TLST-Hồ GĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-Hồ GĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-Hồ GĐ ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1974; Địa chỉ (cũ): 331, ấp Bình Tiên, xã B, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là 331, ấp B, xã G,, tỉnh V

- Bị đơn: Ông Đàm Kim T, sinh năm: 1970; Địa chỉ (cũ): khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là ấp 2, xã G, tỉnh V

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đàm Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, đến năm 1996 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh B (cũ). Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. ồ guyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai và sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên là Đàm Thị Thủy T, sinh ngày 07/11/1994; Đàm ả gọc T, sinh ngày 03/8/2010 và Đàm Gia L, sinh ngày 20/02/2020. Cháu Thủy T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Hiện 02 con chung là ả gọc T và Gia L do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung chưa thành niên, bà không có yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

ả ợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G (ả ay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – V) đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7 – V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Phạm Thị T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đàm Kim T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 20/9/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà T và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà T trình bày, bà và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông T từ năm 2023 cho đến nay. Sau khi bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông T, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà T và ông T hàn gắn, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà T và ông T đoàn tụ được. Việc ông T vắng mặt là ông T đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà T, đã đương nhiên từ bỏ quyền trình

bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án đã động viên bà T trở về cùng đoàn tụ với ông T nhưng bà T không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* bà T và ông T có 03 con chung tên là Đàm Thị Thủy T, sinh ngày 07/11/1994; Đàm ả gọc T, sinh ngày 03/8/2010 và Đàm Gia L, sinh ngày 20/02/2020. Cháu Thủy T đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Hai cháu ả gọc T và Gia L hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, cháu ả gọc T đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên là cháu Đàm ả gọc T và cháu Đàm Gia L cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà T không yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T khai không có và không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ ả ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Đàm Kim T.

2. *Về con chung:* Bà Phạm Thị T và ông Đàm Kim T có 03 con chung tên là Đàm Thị Thủy T, sinh ngày 07/11/1994; Đàm ả gọc T, sinh ngày 03/8/2010 và Đàm Gia L, sinh ngày 20/02/2020. Cháu Thủy T đã trưởng thành

tự lao động sinh sống được. Giao 02 con chung chưa thành niên là ả gọc T và Gia L cho bà T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung: không có tranh chấp; về nợ chung:* không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010481 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (ả ay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - V). Bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSả D khu vực 7 – V;
- THADS tỉnh V;
- TAả D tỉnh V;
- UBả D xã H, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thế Trang Đền